



**HƯỚNG DẪN
TỰ KIỂM TRA CÔNG TÁC AN TOÀN,
VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG
CÁC CƠ SỞ Y TẾ**

Hà Nội - 2025

MỤC LỤC

	Trang
<i>Danh mục các chữ viết tắt</i>	
I. Mục đích	1
II. Đối tượng, phạm vi áp dụng	1
III. Căn cứ pháp lý	1
IV. Những vấn đề chung về tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động	2
1. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong thực hiện tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động	2
2. Nội dung tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động	2
3. Hình thức tự kiểm tra	3
4. Phương pháp tự kiểm tra	3
V. Quy trình tự kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động trong cơ sở y tế	4
VI. Hướng dẫn chi tiết nội dung tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động trong cơ sở y tế	6
Phụ lục 1: Bảng kiểm tự kiểm tra ATVSLĐ tại cơ sở y tế	13
Phụ lục 2: Danh mục tham khảo các yếu tố có hại thường gặp trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	24
Tài liệu tham khảo	28

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ATLĐ	An toàn lao động
ATVSLĐ	An toàn vệ sinh lao động
BNN	Bệnh nghề nghiệp
Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
CSYT	Cơ sở y tế
TNLD	Tai nạn lao động
MTLĐ	Môi trường lao động
NVYT	Nhân viên y tế
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
YTLĐ	Y tế lao động

I. MỤC ĐÍCH

Hướng dẫn tổ chức, thực hiện công tác tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động tại cơ sở y tế theo quy định của pháp luật nhằm:

1. Đánh giá sự tuân thủ pháp luật về ATVSLĐ, chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp của các khoa, phòng, bộ phận tại cơ sở y tế. Bảo đảm duy trì môi trường làm việc an toàn cho người lao động, phòng ngừa sự cố gây mất ATVSLĐ.

2. Phát hiện những thiếu sót, vi phạm, từ đó hướng dẫn các khoa, phòng, bộ phận chấp hành đúng quy định của pháp luật; kiến nghị lãnh đạo đơn vị xử lý đối với các khoa, phòng, bộ phận, người lao động có hành vi vi phạm pháp luật về ATVSLĐ, chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống BNN.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng:

- Người sử dụng lao động
- Hội đồng ATVSLĐ của đơn vị
- Lãnh đạo các khoa/phòng/bộ phận/phân xưởng
- Người lao động

2. Phạm vi áp dụng:

- Cơ sở y tế công lập và ngoài công lập
- Các doanh nghiệp sản xuất dược, vắc xin, sinh phẩm, trang thiết bị y tế.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật An toàn, Vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015:

Điều 80. Tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động:

“1. Người sử dụng lao động phải lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra định kỳ, đột xuất về an toàn, vệ sinh lao động tại cơ sở.

2. Nội dung, hình thức và thời hạn tự kiểm tra cụ thể phải bảo đảm hiệu quả, phù hợp với tính chất lao động, nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, điều kiện lao động của cơ sở.”

2. Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Điều 9. Tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động:

“1. Người sử dụng lao động phải quy định và tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động trong cơ sở sản xuất, kinh doanh.

2. Nội dung, hình thức và thời hạn tự kiểm tra cụ thể do người sử dụng lao động chủ động quyết định theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

...

4. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong các ngành nghề khác với ngành nghề quy định tại Điều 8 Thông tư này, người sử dụng lao động phải tổ chức kiểm tra toàn diện ít nhất 01 lần trong một năm ở cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh và 01 lần trong 06 tháng ở cấp phân xưởng, tổ, đội sản xuất hoặc tương đương.”

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỰ KIỂM TRA CÔNG TÁC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

1. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong thực hiện tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động

1.1. Người sử dụng lao động phải quy định và tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động tại đơn vị mình quản lý.

1.2. Nội dung, hình thức và thời hạn tự kiểm tra cụ thể do người sử dụng lao động chủ động quyết định.

1.3. Các đơn vị phải tổ chức kiểm tra toàn diện ít nhất 01 lần trong một năm ở cấp đơn vị và 01 lần trong 06 tháng ở cấp khoa, phòng, bộ phận, phân xưởng hoặc tương đương.

2. Nội dung tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động

2.1. Tổ chức bộ máy làm công tác an toàn, vệ sinh lao động của đơn vị.

2.2. Việc thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động: lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động; tổ chức quan trắc môi trường lao động; quản lý sức khỏe người lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật; thực hiện thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

2.3. Nội quy, quy trình và biện pháp an toàn, biên bản kiểm tra, sổ ghi kiến nghị (nếu có)

2.4. Việc quản lý thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; việc kiểm soát các yếu tố nguy hiểm có hại; tình trạng an toàn, vệ sinh của các máy, thiết bị và nơi làm việc.

2.5. Việc sử dụng, bảo quản trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy, phương tiện cấp cứu y tế.

2.6. Việc tổ chức thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động của đơn vị.

2.7. Việc thực hiện kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra (nếu có).

2.8. Tổ chức ăn uống, đảm bảo dinh dưỡng cho người lao động và an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể (nếu có).

2.9. Kiểm tra hoạt động tự kiểm tra của cấp dưới, việc giải quyết các đề xuất, kiến nghị về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động

2.10. Các nội dung khác: việc thực hiện báo cáo công tác ATVSLĐ theo quy định; việc tổ chức tuyên truyền và tham gia các hoạt động phong trào quần chúng về an toàn, vệ sinh lao động (hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ,...).

3. Hình thức tự kiểm tra

3.1. Kiểm tra tổng thể các nội dung về an toàn, vệ sinh lao động có liên quan đến quyền hạn của cấp kiểm tra.

3.2. Kiểm tra chuyên đề từng nội dung kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

3.3. Kiểm tra sau đợt nghỉ làm việc dài ngày.

3.4. Kiểm tra trước hoặc sau mùa mưa, bão.

3.5. Kiểm tra sau sự cố, sau sửa chữa lớn.

3.6. Kiểm tra định kỳ để nhắc nhở hoặc chấm điểm để xét duyệt thi đua.

3.7. Các hình thức kiểm tra khác phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở.

4. Phương pháp kiểm tra

4.1. Kiểm tra tài liệu, hồ sơ liên quan.

4.2. Kiểm tra thực tế tại các khoa/phòng/bộ phận/phân xưởng

V. QUY TRÌNH TỰ KIỂM TRA CÔNG TÁC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG CƠ SỞ Y TẾ

TT	NGƯỜI/BỘ PHẬN CHỊU TRÁCH NHIỆM	NỘI DUNG TRÌNH TỰ CÔNG VIỆC	THỜI GIAN/TẦN SUẤT THỰC HIỆN
1	Thư ký Hội đồng An toàn, vệ sinh lao động (Phòng Tổ chức cán bộ hoặc Bộ phận an toàn, vệ sinh lao động đối với doanh nghiệp)	Dự thảo kế hoạch tự kiểm tra công tác ATVSLĐ của đơn vị	- Kiểm tra định kỳ (tối thiểu 01 lần/ năm) - Kiểm tra đột xuất theo các hình thức tại mục IV.3 của Hướng dẫn.
2	Người đứng đầu đơn vị	Phê duyệt kế hoạch tự kiểm tra công tác ATVSLĐ và phân công người thực hiện.	
3	Lãnh đạo khoa/ phòng/ bộ phận/ phân xưởng	- Tổ chức tự kiểm tra việc tuân thủ các quy định về ATVSLĐ của người lao động tại khoa/phòng/bộ phận theo chức năng nhiệm vụ được giao. - Lập Biên bản tự kiểm tra công tác ATVSLĐ của khoa/phòng/ bộ phận, trong đó có nội dung đề xuất các biện pháp xử lý đối với người lao động vi phạm quy định về ATVSLĐ và thông báo các yếu tố nguy cơ mất an toàn, vệ sinh lao động cho các bộ phận liên quan để xử lý kịp thời.	Tối thiểu 06 tháng/lần hoặc kiểm tra đột xuất theo các hình thức tại Mục IV.3 của Hướng dẫn
4	Hội đồng ATVSLĐ	- Thành lập đoàn kiểm tra công tác ATVSLĐ của đơn vị. - Họp đoàn kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn, xác định lịch kiểm tra. - Thông báo lịch kiểm tra đến các khoa/ phòng/ bộ phận.	

TT	NGƯỜI/BỘ PHẬN CHỊU TRÁCH NHIỆM	NỘI DUNG TRÌNH TỰ CÔNG VIỆC	THỜI GIAN/TẦN SUẤT THỰC HIỆN
5	Các Thành viên Hội đồng ATVSLĐ (theo phân công)	- Tổ chức kiểm tra theo bảng kiểm tại Phụ lục 1 của hướng dẫn. - Lập biên bản kiểm tra công tác ATVSLĐ tại các khoa/ phòng/ bộ phận trong đó có nội dung đề xuất các biện pháp xử lý đối với người lao động và khoa/ phòng/bộ phận vi phạm quy định về ATVSLĐ và yêu cầu các bộ phận liên quan giải quyết xử lý kịp thời các yếu tố nguy cơ mất ATVSLĐ. - Đoàn kiểm tra ghi nhận xét và kiến nghị đối với đơn vị được kiểm tra; ghi nhận các vấn đề giải quyết thuộc trách nhiệm của cấp kiểm tra vào sổ biên bản kiểm tra của đơn vị được kiểm tra.	
6	Lãnh đạo khoa/ phòng/ bộ phận	Sau khi có biên bản kiểm tra phải xây dựng kế hoạch và tổ chức khắc phục các thiếu sót tồn tại thuộc phạm vi của đơn vị giải quyết, đồng thời gửi cấp kiểm tra để theo dõi thực hiện.	
7	Thành viên Hội đồng ATVSLĐ (theo phân công)	- Kiểm tra việc khắc phục các yếu tố nguy cơ mất an toàn, vệ sinh lao động tại các khoa/phòng/bộ phận. <i>Cấp kiểm tra phải có kế hoạch phúc tra việc thực hiện kiến nghị; tổng hợp những nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết của mình đối với cấp dưới và giao các bộ phận giúp việc tổ chức thực hiện.</i>	
8	Hội đồng ATVSLĐ	Báo cáo kết quả tự kiểm tra cho người đứng đầu đơn vị và thông báo đến toàn thể người lao động.	Sau khi kết thúc tự kiểm tra

VI. HƯỚNG DẪN CHI TIẾT NỘI DUNG TỰ KIỂM TRA AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ Y TẾ

1. Nội dung 1: Tổ chức bộ máy làm công tác an toàn, vệ sinh lao động của đơn vị

Kiểm tra các quyết định thành lập và văn bản liên quan quy định về tổ chức, nhiệm vụ của bộ máy làm công tác an toàn, vệ sinh lao động tại đơn vị, bao gồm:

- Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động.
- Bộ phận y tế cơ quan.
- Mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.
- Ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy.
- Đội phòng cháy chữa cháy.

2. Nội dung 2: Việc thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động

2.1. *Việc lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động*

a. Kiểm tra Hồ sơ vệ sinh môi trường lao động của đơn vị (*thực hiện theo mẫu quy định tại Mẫu 1, Phụ lục 1, Nghị định số 39/2016 ND-CP*).

- Hồ sơ VSMTLD phải được điền đầy đủ, chính xác các thông tin yêu cầu.
- Hồ sơ VSMTLD được cập nhật và bổ sung hằng năm.

* Lưu ý một số thông tin cần phải được nêu rõ trong hồ sơ vệ sinh môi trường lao động gồm: số lượng lao động tiếp xúc với yếu tố có hại, số người làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (NNĐHNH) và đặc biệt NNĐHNH, liệt kê các yếu tố có hại, nguy hiểm có thể phát sinh, các yếu tố có hại, vị trí cần quan trắc, các biện pháp khắc phục...(Danh mục các yếu tố có hại thường gặp trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tham khảo tại **Phụ lục 2** Hướng dẫn)

b. Kiểm tra thực tế khuôn viên đơn vị để đối chiếu với hồ sơ: rà soát từng khu vực làm việc tại các khoa/phòng/bộ phận/phân xưởng, đường đi, lối thoát hiểm để đảm bảo các yếu tố có hại tại nơi làm việc đã được nhận diện đúng và khai báo đầy đủ trong hồ sơ vệ sinh môi trường lao động.

2.2. *Việc thực hiện quan trắc môi trường lao động*

a. Kiểm tra tính pháp lý của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường lao động (*là đơn vị đã được công bố tổ chức đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế, Cục Quản lý Môi trường y tế*).

b. Kiểm tra Báo cáo kết quả quan trắc môi trường lao động, đảm bảo yêu cầu:

- Báo cáo phải được thực hiện đúng mẫu quy định: mẫu 04, Phụ lục I, Nghị định số 44/2016/ND-CP của Chính phủ.

- Có thực hiện đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp.

- Có khuyến nghị giải pháp khắc phục và các giải pháp phù hợp với kết quả quan trắc môi trường lao động.

- Tần suất quan trắc môi trường lao động đảm bảo theo quy định (*tối thiểu 01 lần/năm*).

2.3. Việc quản lý sức khỏe người lao động:

a. Kiểm tra hồ sơ sức khỏe cá nhân của người lao động, bao gồm:

- Giấy khám sức khỏe.

- Phiếu khám sức khỏe trước khi bố trí làm việc đối với người lao động tiếp xúc với yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp, người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc độc hại nguy hiểm (*khoản 3 Điều 21, Luật ATVSLĐ và Điều 3, 4 Thông tư số 28/2016/TT-BYT quy định về khám sức khỏe và hồ sơ trước khi bố trí người lao động vào làm các công việc có yếu tố có hại*).

- Sổ khám sức khỏe định kỳ (*mẫu số 03 Phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh*).

- Sổ khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp người lao động tiếp xúc với yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp, người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc độc hại nguy hiểm (*mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư số 28/2016-TT-BYT*).

- Hồ sơ bệnh nghề nghiệp của người lao động (nếu có);

- Giấy ra viện, giấy nghỉ ốm hoặc các giấy tờ điều trị có liên quan (nếu có)

b. Kiểm tra hồ sơ quản lý tình hình sức khỏe và bệnh tật người lao động (*thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 19/2016/TT-BYT*)

2.4. Kiểm tra việc thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

a. Kiểm tra tính pháp lý của tổ chức huấn luyện ATVSLĐ (*là tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép/công bố đủ điều kiện thực hiện huấn luyện theo quy định*).

b. Kiểm tra hồ sơ mở lớp, bao gồm: Kế hoạch được phê duyệt, nội dung, tài liệu, hợp đồng đào tạo, huấn luyện.

c. Kiểm tra Giấy chứng nhận/sổ theo dõi cấp chứng nhận/thẻ an toàn:

- Giấy chứng nhận (đối với người lao động thuộc nhóm 1,2,5 và 6): theo mẫu 08, Phụ lục 2 Nghị định 44/2016/NĐ-CP.

- Thẻ an toàn (đối với người lao động nhóm 3): theo mẫu 06, Phụ lục 2 Nghị định 44/2016/NĐ-CP.

- Sổ theo dõi huấn luyện (đối với người lao động nhóm 4): theo mẫu 11, Phụ lục 2 Nghị định 44/2016/NĐ-CP.

d. Kiểm tra kiến thức an toàn, vệ sinh lao động, khả năng xử lý sự cố và sơ cứu, cấp cứu của người lao động.

Đoàn kiểm tra căn cứ tài liệu huấn luyện để chuẩn bị bộ câu hỏi phỏng vấn; lựa chọn ngẫu nhiên một số người lao động thuộc từng Nhóm để phỏng vấn, đánh giá kiến thức đã được đào tạo, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động theo tiêu chí đạt/không đạt.

2.5. Kiểm tra việc thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật:

Kiểm tra việc thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật theo quy định tại Điều 3, 4 Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH quy định điều kiện được hưởng bồi dưỡng bằng hiện vật và mức bồi dưỡng bằng hiện vật, bao gồm:

- Lập danh sách người lao động được hưởng bồi dưỡng, có ký nhận của người lao động.

- Mức bồi dưỡng cho người lao động đảm bảo theo quy định.

- Hình thức bồi dưỡng bằng hiện vật đúng quy định (*không được trả bằng tiền, không được trả vào lương*).

2.6. Kiểm tra việc thực hiện thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

- Có nội quy, quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

- Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của người lao động đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.7. Kiểm tra việc thống kê tai nạn lao động tại đơn vị (nếu có)

Kiểm tra sổ thống kê tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục I, Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thu thập tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.

3. Nội dung 3: Các nội quy, quy trình và biện pháp an toàn, biên bản kiểm tra, sổ ghi kiến nghị (nếu có).

3.1. Kiểm tra các nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, hệ thống biển cảnh báo nguy hiểm.

- Có nội quy, quy trình bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc.

- Nội quy, quy trình phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và điều kiện làm việc.

- Dễ nhìn, dễ đọc bằng tiếng Việt.

3.2. Kiểm tra các biên bản kiểm tra (nếu có).

Kiểm tra việc lưu trữ các biên bản tự kiểm tra của đơn vị bao gồm cả kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.

3.3. Kiểm tra sổ ghi kiến nghị (nếu có).

4. Nội dung 4. Việc quản lý, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; kiểm soát các yếu tố nguy hiểm có hại; tình trạng an toàn, vệ sinh của các máy, thiết bị và nơi làm việc.

4.1. Việc quản lý máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

a. Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, đảm bảo yêu cầu:

- Được lưu trữ đầy đủ tại khoa/phòng/bộ phận/phân xưởng.
- Thực hiện khai báo với Sở LĐTBXH tại địa phương trong khoảng thời gian 30 ngày trước hoặc sau khi đưa vào sử dụng các máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Có kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng.

b. Kiểm tra thực tế các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động tại đơn vị để đánh giá:

- Các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động có phù hợp với hồ sơ lưu tại đơn vị không.
- Có được dán tem kiểm định hoặc thể hiện thông tin kiểm định lên đối tượng kiểm định đạt yêu cầu ở vị trí dễ thấy, dễ đọc không.
- Thông số ghi trên tem có nhận biết được bằng mắt thường, có bị mờ hoặc bong tróc trong quá trình sử dụng không.

4.2. Kiểm tra đảm bảo an toàn bức xạ (thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/ TTLT- BKHCN-BYT) (nếu có):

- Giấy phép hoạt động của thiết bị bức xạ
- Nội quy an toàn bức xạ và vận hành an toàn thiết bị bức xạ
- Hồ sơ hiệu chuẩn kỹ thuật/ kiểm chuẩn máy
- Quyết định giao người phụ trách máy
- Giấy chứng nhận đã được tập huấn về an toàn bức xạ
- Số lượng liều xạ cá nhân cấp cho nhân viên tiếp xúc tia X
- Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ liều xạ kế cá nhân

- Báo cáo kết quả đo kiểm môi trường bức xạ
- Hồ sơ sức khỏe của nhân viên bức xạ
- Các tài liệu đi kèm theo thiết bị, bao gồm tài liệu về thông số kỹ thuật của thiết bị, hướng dẫn vận hành và bảo trì, hướng dẫn an toàn.
- Các tài liệu hướng dẫn vận hành, hướng dẫn an toàn có được dịch ra tiếng Việt hay không.
- Các chỉ dẫn vận hành hoặc các chữ viết tắt và các giá trị vận hành trên bảng điều khiển của thiết bị bức xạ bằng tiếng Việt hoặc bằng ngôn ngữ phù hợp với ngôn ngữ mà người vận hành máy sử dụng.

4.3. Kiểm tra tình trạng an toàn, vệ sinh của các máy, thiết bị và nơi làm việc.

- Kiểm tra an toàn điện: Đường dây, ổ cắm nối, an toàn các thiết bị tiêu thụ điện.
- Kiểm tra hoạt động của hệ thống thông gió, hút bụi, hút hơi khí độc, chống nóng, chiếu sáng, hệ thống thoát nước; che chắn tại các vị trí nguy hiểm...

5. Nội dung 5: Việc sử dụng, bảo quản trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy, phương tiện cấp cứu y tế.

5.1. Kiểm tra việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động:

- Sổ cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân.
- Kiểm tra việc ghi chép các thông tin trong sổ cấp phát, chữ ký của người nhận; ký tên đóng dấu của thủ trưởng đơn vị.
- Kiểm tra trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân có phù hợp với công việc theo danh mục quy định tại *Phụ lục 2, Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH* không.

5.2. Kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy:

- Kiểm tra phương án chữa cháy tại chỗ: Phương án có được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không.
- Kiểm tra phương tiện chữa cháy tại chỗ: đèn thoát hiểm, cửa thoát hiểm đảm bảo hoạt động tốt; kiểm tra trạng thái của bình chữa cháy còn hạn sử dụng và được đặt ở vị trí dễ dàng tiếp cận.
- Kiểm tra hệ thống báo cháy: Đảm bảo hệ thống báo cháy, bao gồm cả báo khói, cảm biến nhiệt độ, hoạt động đúng cách và có thể kích hoạt khi cần thiết.
- Kiểm tra lịch sử bảo dưỡng: xem xét lịch sử bảo dưỡng của hệ thống PCCC, đảm bảo tuân theo quy định của nhà sản xuất, cơ quan quản lý.
- Biên bản kiểm tra hệ thống chống sét.
- Kiểm tra việc tổ chức huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho người lao động.

5.3. Kiểm tra việc tổ chức sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc:

- Kiểm tra việc bố trí lực lượng sơ cứu, cấp cứu (*quy định tại Điều 7, Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế*).

- Kiểm tra các phương tiện sơ cứu, cấp cứu tại chỗ; trang bị dụng cụ, phác đồ sơ cứu cấp cứu tại bộ phận y tế...(*quy định tại Điều 6 và Phụ lục 4, 5 Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế*).

- Kiểm tra Hồ sơ cấp cứu tai nạn lao động (*quy định tại Phụ lục 3, Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế*).

- Kiểm tra sổ theo dõi huấn luyện sơ cứu, cấp cứu (*quy định tại Phụ lục 7, Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế trừ trường hợp người lao động đã có Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động*).

6. Nội dung 6. Việc tổ chức thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động

6.1. Kiểm tra Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động của đơn vị hằng năm

- Kế hoạch ATVSLĐ được người sử dụng lao động ký tên, đóng dấu.
- Kế hoạch an toàn vệ sinh lao động có bao gồm đầy đủ các nội dung theo quy định hiện hành (*quy định tại Điều 7 Quyết định số 3079/QĐ-BYT của Bộ Y tế*).
- Các nội dung trong kế hoạch phải được phân công cụ thể bộ phận hoặc người thực hiện, kinh phí thực hiện và thời gian hoàn thành.

6.2. Kiểm tra tiến độ thực hiện theo kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động

Kiểm tra các nội dung có được thực hiện theo đúng tiến độ trong kế hoạch ATVSLĐ không.

7. Nội dung 7. Việc thực hiện kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra (nếu có).

Trường hợp đơn vị được thanh tra, kiểm tra về công tác an toàn, vệ sinh lao động trước đợt tự kiểm tra này thì phải căn cứ vào các kiến nghị của đoàn thanh tra, kiểm tra để rà soát, đánh giá việc tổ chức, thực hiện hoặc có kế hoạch khắc phục đối với từng kiến nghị.

8. Nội dung 8: Tổ chức ăn uống, đảm bảo dinh dưỡng cho người lao động và an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể (nếu có)

Kiểm tra việc thực hiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở có bếp ăn tập thể (*Lệnh An toàn thực phẩm, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP, Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế*):

- Kiểm tra Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; Giấy khám sức khỏe định kỳ những người làm trong bếp ăn tập thể.
- Sổ nhập liệu thực phẩm.
- Sổ theo dõi kiểm thực phẩm.

- Việc lưu mẫu và hủy mẫu.

9. Nội dung 9. Kiểm tra hoạt động tự kiểm tra của cấp dưới, việc giải quyết các đề xuất, kiến nghị về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động.

- Kiểm tra các biên bản tự kiểm tra của khoa/phòng/bộ phận/phân xưởng

10. Nội dung 10. Một số nội dung khác liên quan đối với công tác ATVSLĐ

10.1. *Việc thực hiện báo cáo công tác ATVSLĐ theo quy định*

- Báo cáo công tác ATVSLĐ định kỳ hằng năm (*theo quy định tại Phụ lục II Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH*)

- Báo cáo trường hợp tai nạn lao động được khám, điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (*định kỳ 6 tháng và 1 năm theo quy định tại Phụ lục XVIII Nghị định 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016*)

10.2. *Việc tổ chức tuyên truyền và tham gia các hoạt động phong trào quần chúng về an toàn, vệ sinh lao động*

- Các kế hoạch truyền thông về ATVSLĐ.
- Các tài liệu tuyên truyền về ATVSLĐ: tờ rơi, pano, áp phích, video clip,...
- Báo cáo kết quả các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ và thực hiện tuyên truyền Tháng hành động về ATVSLĐ hằng năm.

Phụ lục 1:**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

Tên đơn vị:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢNG KIỂM TỰ KIỂM TRA
AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ Y TẾ**

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Các tồn tại cần khắc phục (ghi rõ)
		Có/đã thực hiện	Không/ chưa thực hiện	
1.	Tổ chức bộ máy làm công tác an toàn, vệ sinh lao động <i>Kiểm tra các quyết định thành lập và văn bản liên quan quy định về tổ chức, nhiệm vụ của bộ máy làm công tác an toàn, vệ sinh lao động tại đơn vị, bao gồm:</i>			
-	Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động			
-	Bộ phận an toàn, vệ sinh lao động			
-	Bộ phận y tế cơ quan			
-	Mạng lưới an toàn, vệ sinh viên			
-	Ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy			
-	Đội phòng cháy chữa cháy			
2.	Việc thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động			

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Các tồn tại cần khắc phục (ghi rõ)
		Có/đã thực hiện	Không/chưa thực hiện	
2.1.	Việc lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động			
a.	Kiểm tra hồ sơ vệ sinh môi trường lao động			
-	Hồ sơ thực hiện theo đúng mẫu quy định (<i>Mẫu 01 Phụ lục I, Nghị định số 39/2016/NĐ-CP</i>)			
-	Hồ sơ đã liệt kê đầy đủ các thông tin yêu cầu.			Nếu chưa, liệt kê cụ thể các nội dung còn thiếu:
b.	Kiểm tra thực tế:			
-	Hồ sơ vệ sinh môi trường lao động đã nhận diện đầy đủ các yếu tố có hại tại từng khoa/phòng/bộ phận/phân xưởng.			Nếu chưa, liệt kê cụ thể các nội dung còn thiếu:
2.2.	Kiểm tra việc thực hiện quan trắc môi trường lao động			
a.	Kiểm tra tính pháp lý của đơn vị cung cấp dịch vụ			
-	Đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường lao động được Bộ Y tế/Sở Y tế công bố tổ chức đủ điều kiện thực hiện QTM TLĐ			
b.	Kiểm tra báo cáo kết quả quan trắc môi trường lao động			
-	Báo cáo thực hiện đúng mẫu (<i>Mẫu 04, Phụ lục III Nghị định số 44/2016/NĐ-CP</i>)			s

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Các tồn tại cần khắc phục (ghi rõ)
		Có/đã thực hiện	Không/chưa thực hiện	
-	Có thực hiện đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp			
-	Có khuyến nghị giải pháp khắc phục			
-	Các khuyến nghị phù hợp với kết quả quan trắc môi trường lao động			
-	Tần suất quan trắc môi trường lao động thực hiện đúng quy định (tối thiểu 01 lần/năm)			
2.3.	Kiểm tra việc quản lý sức khỏe người lao động			
a.	Kiểm tra hồ sơ sức khỏe cá nhân của người lao động:			
-	Giấy chứng nhận sức khỏe			
-	Phiếu khám sức khỏe trước khi bố trí làm việc			
-	Sổ khám sức khỏe định kỳ			
-	Sổ khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp			
-	Hồ sơ bệnh nghề nghiệp của người lao động (nếu có)			
-	Giấy ra viện, giấy nghỉ ốm/các giấy tờ điều trị có liên quan (nếu có)			
b.	Kiểm tra hồ sơ quản lý tình hình sức khỏe và bệnh tật người lao động:			
	Hồ sơ quản lý tình hình sức khỏe và bệnh tật			
2.4.	Kiểm tra việc thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động			
a.	Kiểm tra tính pháp lý của đơn vị cung cấp dịch vụ			

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Các tồn tại cần khắc phục (ghi rõ)
		Có/đã thực hiện	Không/chưa thực hiện	
-	Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ được cấp giấy phép/công bố đủ điều kiện huấn luyện/đào tạo theo quy định của pháp luật			
b.	Kiểm tra Hồ sơ mở lớp			
-	Có đầy đủ kế hoạch phê duyệt, nội dung, tài liệu huấn luyện/đào tạo, hợp đồng			
c.	Kiểm tra giấy chứng nhận/sổ theo dõi huấn luyện/thẻ an toàn đã cấp:			
	Giấy chứng nhận (đối với người lao động thuộc nhóm 1,2,5 và 6)			
-	Thẻ an toàn (đối với người lao động nhóm 3)			
-	Sổ theo dõi huấn luyện (đối với người lao động nhóm 4)			
d.	Kiểm tra kiến thức ATVSLĐ, khả năng xử lý sự cố và sơ cứu, cấp cứu của người lao động			
	Phỏng vấn 1 số người lao động thuộc từng Nhóm về kiến thức đã được đào tạo/huấn luyện và đánh giá kiến thức của người lao động theo tiêu chí đạt/không đạt			
2.5.	Kiểm tra việc thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật			
-	Tổ chức thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật			
-	Có danh sách người lao động được hưởng bồi dưỡng			
-	Mức bồi dưỡng phù hợp với quy định hiện hành			
-	Ghi rõ hình thức bồi dưỡng bằng hiện vật đang áp dụng tại đơn vị :	-	-	

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Các tồn tại cần khắc phục (ghi rõ)
		Có/đã thực hiện	Không/chưa thực hiện	
2.6.	Kiểm tra việc thực hiện thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi,			
-	Nội quy về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi			
2.7	Kiểm tra việc thống kê tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (nếu có)			
-	Sổ thống kê tai nạn lao động			
3.	Nội quy, quy trình và biện pháp an toàn, biên bản kiểm tra, sổ ghi kiến nghị (nếu có). <i>Kiểm tra các nội quy, quy trình có đủ và phù hợp hay không. Có dễ nhìn, dễ đọc bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc (đối với CSYT ở vùng cao) không</i>			
-	Các nội quy về an toàn vệ sinh lao động của đơn vị			
-	Quy trình an toàn			
-	Hệ thống biển cảnh báo nguy hiểm			
-	Các biên bản kiểm tra			
-	Sổ ghi kiến nghị			
4.	Việc quản lý thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; kiểm soát các yếu tố nguy hiểm có hại; tình trạng an toàn, vệ sinh của các máy, thiết bị và nơi làm việc	-	-	
4.1.	Việc quản lý thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	-	-	
a.	Kiểm tra hồ sơ kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	-	-	
-	Lưu hồ sơ kỹ thuật máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động			

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Các tồn tại cần khắc phục (ghi rõ)
		Có/đã thực hiện	Không/chưa thực hiện	
-	Thực hiện khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			
-	Kiểm định kỳ trong quá trình sử dụng			
b	Kiểm tra thực tế			
-	Danh mục các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ phù hợp với hồ sơ lưu tại đơn vị			
-	Có dán tem kiểm định ở vị trí dễ thấy, dễ đọc			
-	Thông số ghi trên tem kiểm định có thể nhận biết được bằng mắt thường			
4.2.	Kiểm tra hồ sơ về an toàn bức xạ (nếu có)			
-	Giấy phép hoạt động của thiết bị bức xạ			
-	Nội quy an toàn bức xạ và vận hành an toàn thiết bị bức xạ			
-	Hồ sơ hiệu chuẩn kỹ thuật/ kiểm chuẩn máy			
-	Quyết định giao người phụ trách máy			
-	Giấy chứng nhận đã được tập huấn về an toàn bức xạ			
-	Số lượng liều xạ cá nhân cấp cho nhân viên tiếp xúc tia X			
-	Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ liều xạ kế cá nhân			
-	Báo cáo kết quả đo kiểm môi trường bức xạ			
-	Hồ sơ sức khỏe của nhân viên bức xạ			

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Các tồn tại cần khắc phục (ghi rõ)
		Có/đã thực hiện	Không/chưa thực hiện	
-	Các tài liệu kèm theo thiết bị: tài liệu về thông số kỹ thuật của thiết bị, hướng dẫn vận hành và bảo trì, hướng dẫn an toàn (dịch ra tiếng Việt)			
-	Các chỉ dẫn vận hành hoặc các chữ viết tắt và các giá trị vận hành trên bảng điều khiển của thiết bị bức xạ bằng tiếng Việt hoặc bằng ngôn ngữ phù hợp với ngôn ngữ mà người vận hành máy sử dụng			
4.3.	<i>Tình trạng an toàn, vệ sinh của các máy, thiết bị và nơi làm việc (các khoa, phòng, kho chứa,...)</i>			
	- Các thiết bị tiêu thụ điện có đảm bảo an toàn không (<i>kiểm tra đường dây, ổ cắm nối không bị đứt/hở</i>)			
	- Các thiết bị treo/gắn trên trần, tường nhà có đảm bảo an toàn không (<i>kiểm tra các chốt treo/gắn không bị lỏng/tuột khỏi vị trí cố định</i>)			
	- Hệ thống thông gió, hút bụi, hút hơi khí độc			
	- Hệ thống chống nóng			
	- Hệ thống chiếu sáng			
	- Hệ thống thoát nước			
	- Che chắn tại các vị trí nguy hiểm			
5.	Việc sử dụng, bảo quản trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy, phương tiện cấp cứu y tế			
5.1.	<i>Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân</i>			

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Các tồn tại cần khắc phục (ghi rõ)
		Có/đã thực hiện	Không/chưa thực hiện	
-	Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động			
-	Sổ cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân			
-	Các thông tin trong sổ cấp phát có đầy đủ chữ ký của người nhận; ký tên đóng dấu của thủ trưởng đơn vị			
-	Phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp với công việc của người lao động			
5.2.	Kiểm tra phòng cháy chữa cháy:			
-	Có phương án chữa cháy tại chỗ			
-	Phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt			
-	Kiểm tra các phương tiện chữa cháy tại chỗ có đang ở trong trạng thái hoạt động hoặc còn hạn sử dụng không:	-	-	
+	Đèn thoát hiểm			
+	Cửa thoát hiểm			
+	Bình chữa cháy (bao gồm cả bình bột, bình khí)			
+	Bình chữa cháy được đặt ở vị trí dễ dàng tiếp cận			
-	Hệ thống báo cháy hoạt động và có thể kích hoạt khi cần thiết			
-	Hệ thống PCCC được bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất, cơ quan quản lý			
-	Biên bản kiểm tra hệ thống chống sét			
-	Tổ chức huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho người lao động			

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Các tồn tại cần khắc phục (ghi rõ)
		Có/đã thực hiện	Không/chưa thực hiện	
5.3.	Kiểm tra việc thực hiện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc:			
-	Việc bố trí lực lượng sơ cứu, cấp cứu đáp ứng điều kiện theo quy định (<i>Điều 7, Thông tư số 19/2016/TT-BYT của Bộ Y tế</i>)			
-	Kiểm tra phương tiện sơ cứu, cấp cứu tại chỗ (<i>Điều 6, Phụ lục 4, 5 Thông tư số 19/2016/TT-BYT của Bộ Y tế</i>)			
-	Có túi sơ cứu tại nơi làm việc			
-	Số lượng túi sơ cứu đảm bảo theo quy định tại <i>Thông tư số 19/2016/TT-BYT</i>			
-	Hồ sơ cấp cứu tai nạn lao động (nếu có)			
-	Sổ theo dõi huấn luyện sơ cứu, cấp cứu, trừ trường hợp người lao động đã có Giấy chứng nhận huấn luyện ATVSLĐ (<i>Phụ lục 7, Thông tư số 19/2016/TT-BYT</i>).			
6.	Việc thực hiện các nội dung kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động			
6.1.	Kiểm tra Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động			
-	Có xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động hằng năm			
-	Kế hoạch bao gồm đầy đủ nội dung theo quy định (<i>theo Điều 7 Quyết định 3079/QĐ-BYT của Bộ Y tế</i>)			
-	Kế hoạch nêu rõ bộ phận/người thực hiện, biện pháp thực hiện, kinh phí thực hiện và thời gian hoàn thành			
-	Kế hoạch ATVSLĐ được người sử dụng lao động ký tên, đóng dấu			
6.2.	Kiểm tra tiến độ thực hiện theo kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động			

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Các tồn tại cần khắc phục (ghi rõ)
		Có/đã thực hiện	Không/chưa thực hiện	
-	Các nội dung có được thực hiện theo đúng tiến độ trong kế hoạch ATVSLĐ không			
7.	Việc thực hiện kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra (nếu có)			
-	Đơn vị được thanh tra/kiểm tra công tác ATVSLĐ năm trước/kỳ trước			
-	Nếu có, kiểm tra báo cáo việc khắc phục và thực hiện kiến nghị của đoàn thanh tra/kiểm tra			
8.	Tổ chức ăn uống, đảm bảo dinh dưỡng cho người lao động và an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể (nếu có)			
-	Đơn vị có bếp ăn tập thể cho người lao động			
	Nếu có, kiểm tra việc thực hiện ATTP đối với bếp ăn tập thể:	-	-	
-	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP			
-	Giấy khám sức khỏe định kỳ những người làm trong bếp ăn tập thể.			
-	Sổ nhập liệu thực phẩm			
-	Sổ theo dõi kiểm thực phẩm			
-	Thực hiện lưu mẫu thực phẩm			
9.	Hoạt động tự kiểm tra của cấp dưới, việc giải quyết các đề xuất, kiến nghị về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động (nếu có)			
-	Có tổ chức tự kiểm tra tại từng khoa/phòng/bộ phận/phân xưởng			
-	Sổ hoặc biên bản ghi chép kết quả kiểm tra			

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Các tồn tại cần khắc phục (ghi rõ)
		Có/đã thực hiện	Không/chưa thực hiện	
-	Ghi chép kiến nghị, đề xuất của người lao động (nếu có)			
10.	<i>Một số nội dung khác liên quan đối với công tác ATVSLĐ</i>			
10.1	<i>Kiểm tra việc thực hiện báo cáo công tác ATVSLĐ theo quy định</i>			
	Báo cáo công tác ATVSLĐ định kỳ hằng năm			
	Báo cáo trường hợp tai nạn lao động được khám, điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh định kỳ 6 tháng và 1 năm			
10.2	<i>Kiểm tra việc tuyên truyền và tham gia các hoạt động phong trào quần chúng về an toàn, vệ sinh lao động</i>			
	Kế hoạch tuyên truyền về ATVSLĐ			
	Tài liệu tuyên truyền: tờ rơi, pano, áp phích, video clip,...			
	Các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ			

.....ngày.....tháng.....năm

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2:

**DANH MỤC THAM KHẢO
CÁC YẾU TỐ CÓ HẠI THƯỜNG GẶP TRONG
CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

TT	Các yếu tố có hại	Khoa/phòng/bộ phận có nguy cơ tiếp xúc cần rà soát	Mô tả vị trí làm việc có nguy cơ tiếp xúc
1	Yếu tố vi khí hậu bất lợi		
	- Nhiệt độ - Độ ẩm - Tốc độ gió - Bức xạ nhiệt	- Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn - Khu vực/phòng trực, phòng chờ, phòng khám - Kho thuốc, vật tư y tế,...	- Các khu vực làm việc trong phòng kín, thông gió kém hoặc phòng làm việc không có điều hòa nhiệt độ. - Khu vực làm việc tập trung đông người. - Các vị trí làm việc điều khiển máy/thiết bị có phát sinh nhiệt lớn như: nồi hơi/lò hơi, nồi hấp/sấy tiệt trùng, máy giặt, máy hấp/sấy quần áo,...
2	Yếu tố vật lý		
2.1	Ánh sáng	- Các khu vực sử dụng chung: hành lang, cầu thang bộ, cầu thang máy, phòng vệ sinh,... - Phòng làm việc: các phòng hành chính, phòng khám/ điều trị/ chẩn đoán hình ảnh/phẫu thuật/xét nghiệm... - Kho thuốc, vật tư y tế,...	Các khu vực làm việc trong nhà kín, có điều kiện chiếu sáng kém
2.2	Tiếng ồn	- Khoa Hồi sức - cấp cứu, Khoa/phòng khám bệnh, điều trị,... - Các Khoa cận lâm sàng: Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Khoa xét nghiệm,...	- Các khu vực làm việc có nhiều tiếng ồn phát sinh từ các máy, thiết bị y tế dùng để khám, điều trị bệnh nhân, máy giặt, máy sấy,... - Khu vực tập trung đông người bệnh, người nhà bệnh nhân như: Khu vực tiếp đón

TT	Các yếu tố có hại	Khoa/phòng/bộ phận có nguy cơ tiếp xúc cần rà soát	Mô tả vị trí làm việc có nguy cơ tiếp xúc
			người bệnh, phòng khám, điều trị, ...
2.3	Phóng xạ	- Khoa chẩn đoán hình ảnh. - Khoa Xạ trị, xạ phẫu - Khoa Xét nghiệm (có sử dụng chất phóng xạ) - Kho lưu giữ nguồn phóng xạ hoặc chất thải phóng xạ.	- Vị trí làm việc trong phòng điều khiển hoặc nơi đặt tủ điều khiển của thiết bị phát bức xạ tia X. - Các vị trí ngoài phòng đặt thiết bị phát bức xạ tia X (nơi công chúng đi lại, người ngồi chờ, các phòng làm việc lân cận) - Phòng điều trị/lưu người bệnh điều trị bằng phóng xạ.
2.4	Bức xạ tử ngoại	- Khoa xét nghiệm - Khoa/phòng khám, điều trị	Các khu vực sử dụng đèn diệt khuẩn, các thiết bị giúp chẩn đoán và điều trị có phát sinh tia bức xạ tử ngoại
2.5	Các yếu tố vật lý khác	Rà soát theo thực tế tại đơn vị	
3	Yếu tố bụi các loại		
3.1	Bụi bông	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Khu vực giặt, sấy thường xuyên tiếp xúc với các loại vải từ quần áo, chăn, ga,...phát sinh nhiều bụi bông.
3.2	Các loại bụi khác (bụi hô hấp,...)	Khu vực thu gom, xử lý rác thải	<i>Trong môi trường làm việc của cơ sở KBCB thường không có nguồn phát sinh bụi lớn nhưng cần lưu ý rà soát và kiểm soát vì bụi hô hấp trong cơ sở y tế có thể chứa các mầm bệnh như nấm, vi khuẩn, vi rút,...</i>

TT	Các yếu tố có hại	Khoa/phòng/bộ phận có nguy cơ tiếp xúc cần rà soát	Mô tả vị trí làm việc có nguy cơ tiếp xúc
4	Yếu tố hơi khí độc		
	- Các hóa chất sát trùng, khử khuẩn: chlorine, iodine, formaldehyde,... - Các hóa chất diệt trùng: cồn isopropyl, clo, iốt, phenol, glutaraldehyde, formaldehyde, - Các dung môi - Chất khí gây mê: N₂O,... - Các hóa chất khác	- Khoa cấp cứu, Khoa/phòng khám, điều trị bệnh,... - Các Khoa cận lâm sàng: Khoa xét nghiệm sinh hóa, Khoa giải phẫu bệnh, Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn,... - Phòng phẫu thuật	- Các khu vực làm việc thường xuyên sử dụng hóa chất sát khuẩn, khử khuẩn, diệt trùng, gây mê, gây tê, chất ướp xác,... - Các phòng xét nghiệm vi sinh, sinh hóa, huyết học, tế bào, dược liệu,...
5	Yếu tố tâm sinh lý và ec-gô-nô-my		
5.1	Đánh giá gánh nặng thần kinh tâm lý	- Khoa/phòng khám, điều trị bệnh. - Khoa Hồi sức – Cấp cứu, điều trị tích cực, Khoa ngoại, Khoa bệnh nhiệt đới, ... - Các Khoa cận lâm sàng: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh,...	Nhân viên y tế phải làm việc theo chế độ ca kíp, làm đêm, áp lực tiến độ công việc lớn. Nhân viên y tế phải tiếp xúc trực tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, tiếp xúc với các mẫu bệnh phẩm có nguy cơ lây nhiễm cao, dễ bị căng thẳng, stress nghề nghiệp,...
5.2	Đánh giá ec-gô-nô-mi (tư thế làm việc bất hợp lý)	- Khoa/phòng khám, điều trị bệnh. - Khoa/phòng phẫu thuật - Khoa chẩn đoán hình ảnh	Nhân viên y tế làm công tác điều trị, cấp cứu, chăm sóc bệnh nhân đòi hỏi phải làm việc với nhiều tư thế khác nhau, thường xuyên phải đứng trong thời gian dài, cúi, vận người khi khám, điều trị, chăm sóc người bệnh.

TT	Các yếu tố có hại	Khoa/phòng/bộ phận có nguy cơ tiếp xúc cần rà soát	Mô tả vị trí làm việc có nguy cơ tiếp xúc
			- Kỹ thuật viên xét nghiệm phải ngồi thời gian dài để thực hiện xét nghiệm,... - Điều dưỡng phải thực hiện công việc nâng nhắc, vận chuyển bệnh nhân
6	Đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp		
6.1	Yếu tố vi sinh vật	- Khoa khám/điều trị bệnh. - Khoa xét nghiệm, Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, Khoa huyết học – truyền máu, Khoa giải phẫu bệnh, Khoa bệnh nhiệt đới... - Bộ phận thu gom, vận chuyển rác thải y tế.	- Nhân viên y tế phải tiếp xúc trực tiếp với bệnh nhân hoặc máu/chế phẩm của máu, dịch tiết bị nhiễm mầm bệnh. - Kỹ thuật viên xét nghiệm phải thường xuyên tiếp xúc với mẫu bệnh phẩm, mô người và động vật thí nghiệm, các chế phẩm sinh học động vật,...
6.2	Yếu tố gây dị ứng, miễn cảm, dung môi	- Khoa khám/điều trị bệnh. - Các khoa cận lâm sàng: Khoa xét nghiệm, Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, Khoa huyết học – truyền máu, Khoa giải phẫu bệnh,...	- Nhân viên y tế thường xuyên phải sử dụng găng tay cao su trong thời gian dài. - Kỹ thuật viên làm việc trong phòng xét nghiệm, thường xuyên phải tiếp xúc với enzyme, hóa chất, dung môi, bụi sinh học. - Nhân viên y tế làm việc trong các kho dược, hóa chất, thuốc tẩy và chloramines,... - Nhân viên y tế, nhân viên vệ sinh thường xuyên tiếp xúc với chất tẩy rửa và các enzyme,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;
2. Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật AT, VSLĐ về hoạt động kiểm định kỹ thuật ATLĐ, huấn luyện AT, VSLĐ & quan trắc MTLĐ;
3. Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.
4. Nghị định 58/2020/NĐ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp..
5. Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
6. Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc
7. Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
8. Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh..
9. Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm.
10. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.
11. Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế
12. Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 16/02/2022 của Chính phủ về Chương trình quốc gia về an toàn vệ sinh lao động của Bộ Y tế.
13. Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới.
14. Thông tư số 02/2023/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y tế sửa

- đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội.
15. Thông tư 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng.
 16. Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN Quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.
 17. Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.
 18. Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế. Hướng dẫn theo thẩm quyền công tác quản lý vệ sinh lao động
 19. Các Thông tư từ số 21-27/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định QCVN nhóm yếu tố vật lý.
 20. Thông tư số 28/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp.
 21. Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.
 22. Thông tư số 08/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.
 23. Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT Quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.
 24. Thông tư số 31/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 Quy định công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.
 25. Thông tư số 02/2019/TT-BYT ngày 21/3/2019 của Bộ Y tế ban hành QCVN 5 yếu tố bụi- Giới hạn tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc.
 26. Thông tư số 10/2019/TT-BYT ngày 10/9/2019 của Bộ Y tế ban hành QCVN – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
 27. Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 Ban hành danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.
 28. Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 của Bộ LĐTBXH Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

29. Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ LĐTBXH ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
30. Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.
31. Thông tư số 29/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động.
32. Thông tư số 29/2021/TT-BYT ngày 24/12/2021 của Bộ Y tế Hướng dẫn hoạt động đào tạo chuyên môn y tế lao động.
33. Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.
34. Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.
35. Thông tư số 18/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành luật bảo hiểm xã hội và luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.
36. Thông tư số 02/2023/TT-BYT ngày 09/02/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [15/2016/TT-BYT](#) ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định về BNN được hưởng bảo hiểm xã hội.
37. Quyết định 3079/QĐ-BYT ngày 21 tháng 8 năm 2008 của Bộ Y tế “Qui chế tổ chức và hoạt động của hệ thống làm công tác bảo hộ lao động trong các cơ sở y tế”.
38. Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 ban hành Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2030.
39. Niên giám thống kê y tế năm 2019-2020 của Bộ Y tế.